

b) Về kết quả thực hiện

- Năng suất lúa bình quân của mô hình cánh đồng mẫu lớn sản xuất lúa chất lượng cao LH12 đạt 66,5 tạ/ha, cao hơn năng suất lúa đại trà 17,3%.

- Tổng thu nhập của mô hình đạt 54.530.000 triệu đồng/ha cao hơn so với sản xuất đại trà 10,53 triệu đồng/ha, hiệu quả kinh tế 28.430.000 triệu đồng/ha tăng thu nhập cho người dân so sản xuất đại trà 59,4%.

4.2. Đề nghị

- Tăng cường công tác tuyên truyền quảng bá liên kết “4 nhà” trong xây dựng mô hình Cánh đồng mẫu lớn sản xuất lúa chất lượng cao cũng như các cây trồng khác.

- Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền nhằm giới thiệu rộng rãi tới người dân về phương pháp triển khai và hiệu quả kinh tế của mô hình.

- Xây dựng cánh đồng mẫu áp dụng cơ giới hóa đồng bộ (máy làm đất, máy cấy, máy gặt, ...) vào trong sản xuất.

- Đề nghị cơ quan chủ trì tiếp tục cấp kinh phí năm tiếp theo để mở rộng các mô hình ở các vùng phù hợp.

- Bộ Nông nghiệp và PTNT, các tỉnh có các chính sách thúc đẩy và hỗ trợ việc phát triển và mở rộng các mô hình cánh đồng mẫu lớn sản xuất lúa chất lượng cao theo hướng hàng hóa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2013. *Chương trình khuyến nông Trung ương trọng điểm giai đoạn 2013 - 2020.*

Cục Trồng trọt, 2011. *Các tiêu chí xây dựng cánh đồng mẫu lớn.* NXB Nông nghiệp.

UBND tỉnh Hà Nam, 2013. *Đề án xây dựng cánh đồng mẫu tỉnh Hà Nam giai đoạn 2013-2020.*

Result of setting up large scale rice field producing high - quality rice variety LH12

Le Quoc Thanh, Pham Van Dan, Pham Van Vu

Abstract

The model of large rice field producing high - quality rice variety LH12 in Ha Nam province was implemented by integrated linkage of 4 partners: managers, farmers, scientists and enterprises, to ensure the closed chain of production to consume. The models apply synchronized technical solutions from technological input such as high quality rice variety, suppliers and technical procedures and mechanism. In the model, productivity of LH12 was 6,65 tons/ha, which was higher than that of popular production by 17.3%, the economic efficiency was 28,430 millions VND/ha, increasing 59.4% of income in comparison with the popular production. The total amount of the model products bought by enterprise dealers was 271.825 kg, accounting for 83 %.

Key words: Large scale rice fields, LH12, Ha Nam province

Ngày nhận bài: 10/6/2016

Ngày phản biện: 18/6/2016

Người phản biện: TS. Đào Thế Anh

Ngày duyệt đăng: 24/6/2016

KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM GIỐNG LÚA THƠM CHẤT LƯỢNG BT09 Ở CÁC TỈNH PHÍA BẮC

Nguyễn Xuân Dũng¹, Lê Quốc Thanh¹

TÓM TẮT

Kết quả khảo nghiệm BT09 tại các tỉnh phía Bắc cho thấy: BT09 có thời gian sinh trưởng ngắn ngày, 120-125 ngày trong vụ Xuân, 100-105 ngày trong vụ Mùa, và 95-100 ngày trong vụ Hè Thu (ngắn hơn giống BT7 đối chứng từ 7-10 ngày). Dạng hình cây gọn, thân to khô, đứng, bộ lá xanh nhạt, khả năng sinh trưởng phát triển và độ thuần tốt. Trong điều kiện đồng ruộng, giống BT09 ít nhiễm bệnh đạo ôn và khô vằn, kháng khá với rầy nâu và bạc lá, cứng cây chống đổ tốt hơn BT7. Năng suất trung bình đạt 55-60 tạ/ha trong vụ Mùa và 60-65 tạ/ha vụ Xuân, nếu thâm canh tốt có thể đạt 70 tạ/ha, trong cùng điều kiện canh tác năng suất của giống BT09 luôn cao hơn giống BT7 (đối chứng) từ 13-14%. BT09 là giống có chất lượng gạo cao, hạt gạo dài (6,47 mm), trong, ít bạc bụng; Cơm mềm không nát như cơm BT7, vị

¹ Trung tâm Chuyển giao công nghệ và Khuyến nông, VAAS

đậm, trắng bóng và thơm. Với ưu điểm của giống BT09 là có năng suất, chất lượng tốt và thời gian sinh trưởng (TGST) ngắn ngày vì vậy phù hợp cho sản xuất lúa hàng hoá tại các tỉnh phía Bắc trên chân đất gieo cấy 2 vụ lúa (Xuân muộn + Mùa sớm) + vụ Đông ở Đồng bằng sông Hồng (ĐBSH), và vụ Đông Xuân + Hè Thu ở các tỉnh Bắc Trung bộ.

Từ khóa: BT09, ngắn ngày, chất lượng, sản xuất hàng hoá

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây, việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, hệ thống canh tác trên đất lúa tại các tỉnh miền núi, ĐBSH và Bắc Trung bộ có những bước chuyển dịch lớn theo xu hướng sử dụng các giống lúa thâm canh ngắn ngày, có chất lượng cao, năng suất khá, chống chịu sâu bệnh nhằm đáp ứng nhu cầu về cơ cấu 2 vụ lúa + 1-2 vụ màu/ năm, nâng cao hiệu quả kinh tế. Vì vậy, việc chọn tạo và ứng dụng các giống lúa ngắn ngày, năng suất và chất lượng tốt là một trong những giải pháp khoa học công nghệ để duy trì an ninh lương thực, cũng như cung cấp gạo chất lượng phục vụ nội tiêu và xuất khẩu (Nguyễn Xuân Dũng, 2010).

Với mục tiêu và yêu cầu thực tế nói trên, Trung tâm Chuyển giao công nghệ và Khuyến nông đã chọn tạo thành công và giới thiệu ra sản xuất giống lúa chất lượng cao BT09. Qua khảo nghiệm giống BT09 đã thể hiện đặc điểm nổi bật là giống có TGST ngắn ngày, khả năng chống chịu tốt đối với một số loại sâu bệnh hại chính, đặc biệt cho năng suất, chất lượng tốt, gạo trong, thơm, cơm ngon đậm và không dính.

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu

- Giống BT09 được chọn tạo từ tổ hợp lai Kim 23A và T10 trong vụ Xuân năm 2006.

- Giống đối chứng trong thí nghiệm: BT7 và HT1.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Đánh giá, khảo nghiệm do 2 cơ quan là Trung tâm Khảo Kiểm nghiệm Giống, sản phẩm cây trồng Quốc gia và Trung tâm Chuyển giao công nghệ và

Khuyến nông thực hiện, áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm giá trị canh tác và sử dụng giống lúa QCVN 01-55 : 2011/BNNPTNT (Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2011).

- Đánh giá chất lượng theo 10TCN 590-2004.

- Số liệu thí nghiệm được xử lý số liệu bằng chương trình IRRISTAT và Excel.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kết quả khảo nghiệm VCU quốc gia

Kết quả khảo nghiệm tại các điểm khảo nghiệm trong cả vụ Xuân và vụ Mùa năm 2010 khẳng định: Giống lúa BT09 có khả năng thích ứng rộng với điều kiện sản xuất tại các địa phương (Các tỉnh thuộc vùng ĐBSH và Bắc Trung bộ). Ở hầu hết các điểm khảo nghiệm, giống lúa BT09 đều cho năng suất khá, năng suất trung bình trên tất cả các điểm khảo nghiệm đều vượt so với giống đối chứng BT7 ở cả 2 vụ Xuân và Mùa năm 2010.

Bên cạnh những đặc điểm tốt về các đặc tính nông sinh học và khả năng chống chịu sâu bệnh hại, giống lúa BT09 còn thể hiện được sự vượt trội về năng suất so với các giống chất lượng phổ biến như BT7 và HT1 (Bảng 1 và 2).

Kết quả khảo nghiệm vụ Xuân 2011 khẳng định thêm về tính ổn định và ưu thế của giống BT09. Năng suất trung bình của giống BT09 vượt hơn hẳn so với giống đối chứng BT7 là 14,6%.

Kết quả 3 vụ khảo nghiệm, Trung tâm Khảo Kiểm nghiệm Giống cây trồng và sản phẩm phân bón Quốc gia đánh giá: Giống lúa BT09 là giống lúa thơm, chất lượng và ngắn ngày, có nhiều đặc điểm

Bảng 1. Năng suất thực thu của BT09 qua các điểm khảo nghiệm Quốc gia ở các tỉnh phía Bắc trong vụ Xuân năm 2010

Tên giống	Điểm khảo nghiệm (tạ/ha)									
	Hưng Yên	Hải Dương	Hải Phòng	Thái Bình	Thanh Hoá	Hà Tĩnh	Vĩnh Phúc	Tuyên Quang	Phú Thọ	Bình quân
BT7 (đ/c)	47,5	52,1	49,5	42	46,5	38,3	51,7	52,4	50,6	47,5
HT1(đ/c)	49,8	52,3	50,9	42,4	54,0	31,0	56,3	64,9	-	50,2
BT09	45,1	53,0	40,9	48,2	58,7	49,8	63,7	55,1	45,7	51,8
CV%	4,1	3,5	5,2	6,2	3,3	4,4	3,0	4,9	-	
LSD _{.05}	3,48	3,04	4,51	4,78	2,87	3,19	2,9	5,06	-	

(Nguồn: Trung tâm Khảo Kiểm nghiệm Giống, sản phẩm cây trồng và phân bón Quốc gia, 2010)

nông sinh học tốt, có khả năng thích ứng rộng, cho năng suất khá và ổn định. Giống BT09 được đánh giá là giống triển vọng qua 3 vụ khảo nghiệm năng

suất vượt hơn giống đối chứng BT7 và đề nghị cho công nhận sản xuất thử.

Bảng 2. Năng suất thực thu của BT09 qua các điểm khảo nghiệm Quốc gia ở các tỉnh phía Bắc trong vụ Mùa năm 2010

Tên giống	Điểm khảo nghiệm								
	Hưng Yên	Hải Dương	Hải Phòng	Thái Bình	Thanh Hoá	Vĩnh Phúc	Tuyên Quang	Phú Thọ	Bình quân
BT7 (đ/c)	62,73	49,83	53,60	38,79	44,63	44,67	53,33	51,53	49,89
HT1 (đ/c)	59,20	50,23	56,67	44,70	48,03	44,67	46,67	48,83	49,88
BT09	53,00	50,70	46,30	47,33	46,00	44,33	63,13	50,30	50,14
CV%	4,9	3,2	5,1	6,6	3,7	4,5	4,4	4,3	
LSD _{.05}	5,04	2,68	4,34	4,97	2,93	2,98	4,1	3,49	

(Nguồn: Trung tâm Khảo Kiểm nghiệm Giống, sản phẩm cây trồng và phân bón Quốc gia, 2010).

Bảng 3. Năng suất thực thu của giống BT09 qua các điểm khảo nghiệm Quốc gia ở các tỉnh phía Bắc trong vụ Xuân năm 2011

Tên giống	Điểm khảo nghiệm									
	Hưng Yên	Hải Dương	Hải Phòng	Thái Bình	Thanh Hoá	Vĩnh Phúc	Phú Thọ	Tuyên Quang	Hà Tĩnh	Bình quân
BT7 (đ/c)	63,3	55,8	55,3	53,5	56,6	61,7	-	57,7	50,2	56,8
HT1 (đ/c)	65,7	58,6	65,9	78,8	57,2	73,3	62,1	66,3	58,8	65,1
BT09	63,7	-	60,1	81,9	66,2	69,7	59,0	-	55,2	65,0
CV %	5,3	7,2	5,8	4,2	6,3	5,1	6,8	3,9	7,3	
LSD _{.05}	5,76	7,73	6,15	5,12	6,15	5,79	6,62	4,54	6,92	

(Nguồn: Trung tâm Khảo Kiểm nghiệm Giống, sản phẩm cây trồng và phân bón Quốc gia, 2011).

3.2. Kết quả khảo nghiệm sản xuất giống lúa BT09

3.2.1. Kết quả khảo nghiệm sản xuất giống lúa BT09 tại huyện Thạch Thất - thành phố Hà Nội

Trong 2 năm 2013 và năm 2014 Trạm Khuyến nông huyện Thạch Thất đã tiến hành khảo nghiệm sản xuất giống lúa BT09 tại địa bàn huyện Thạch

Thất, kết quả theo dõi được tổng hợp ở bảng 4.

Kết quả theo dõi ở bảng 4 cho thấy: Giống BT09 có khả năng chịu rét khá, cứng cây chống đổ tốt hơn giống BT7. Giống BT09 có TGST rất ngắn (122-126 ngày trong vụ Xuân, 98-103 ngày trong vụ Mùa), ngắn hơn giống BT7 từ 10-12 ngày. Năng suất thực

Bảng 4. Năng suất và khả năng chống chịu, tình hình sâu bệnh hại của giống BT09 tại Thạch Thất - Hà Nội trong vụ Xuân và vụ Mùa năm 2014

Tên giống	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	TGST (ngày)	Khả năng chống chịu (điểm)					
				Đạo ôn	Bạc lá	Khô vằn	Rầy nâu	Chịu rét	Chống đổ
<i>Vụ Xuân</i>									
BT7 (đ/c)	1	53,4-54,5	132-138	1-3	0	3-5	1-3	1	1-3
BT09	2,3	59,8-60,7	122-126	1	0	1-3	1	1	1
<i>Vụ Mùa</i>									
BT7 (đ/c)	1	52,2-52,6	108-116	1-3	3-5	3	1-3	-	1-3
BT09	1,2	58,0-58,3	98-103	1	1-3	1	1	-	1

(Nguồn: Trạm Khuyến nông huyện Thạch Thất - Hà Nội, 2014.)

thu của giống BT09 dao động từ 59,8-60,7 tạ/ha trong vụ Xuân (cao hơn giống BT7 từ 6,2-6,4 tạ/ha trong vụ Xuân); trong vụ Mùa năng suất BT09 cao hơn đối chứng từ 5,7-5,8 tạ/ha (tương đương vượt so với đối chứng từ 10-11%). Gạo của BT09 trong, cơm có mùi thơm nhẹ, cơm dẻo, mềm, có vị đậm tương đương như cơm của BT7, nhưng cơm không dính như BT7.

Qua 2 vụ khảo nghiệm, Trạm Khuyến nông huyện Thạch Thất đã đánh giá cao giống lúa BT09, là giống triển vọng phù hợp với cơ cấu địa phương, có TGST rất ngắn ngày, gạo trong, cơm dẻo, có mùi thơm tương đương BT7.

3.2.2. Kết quả khảo nghiệm sản xuất giống lúa BT09 tại huyện Phù Yên - tỉnh Sơn La

Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Phù Yên tỉnh Sơn La đã tiến hành khảo nghiệm sản xuất giống lúa

chất lượng BT09 trong vụ Xuân và vụ Mùa năm 2014 tại xã Huy Tân, huyện Phù Yên tỉnh Sơn La.

Kết quả theo dõi ở bảng 5 cho thấy: Giống lúa BT09 chịu rét tương đương như giống BT7, giống BT09 cứng cây hơn giống BT7; Tình hình sâu bệnh hại của giống BT09 trên đồng ruộng nhẹ hơn giống lúa chất lượng BT7 (đặc biệt bệnh bạc lá nhẹ (điểm 1-3) trong khi giống BT7 nhiễm nặng hơn (điểm 5-7). Trong cả 2 vụ, giống lúa BT09 đều đẻ nhánh tập trung, bông to và dài hơn giống BT7. Giống BT09 có thời gian ngắn hơn hẳn giống lúa BT7 trong cả 2 vụ, ngắn hơn giống BT7 từ 10-12 ngày.

Giống BT09 có số bông hữu hiệu và số hạt chắc/bông cao hơn giống BT7, cho năng suất thực thu đạt 64,2-67,0 tạ trong vụ Xuân và 59,3-61,7 tạ/ha ở vụ Mùa, vượt hơn giống đối chứng BT7 từ 12-14%. Gạo của BT09 trong như gạo BT7, có mùi thơm nhẹ, cơm dẻo, mềm, có vị đậm hơn cơm của BT7.

Bảng 5. Năng suất và khả năng chống chịu, tình hình sâu bệnh hại của giống BT09 tại Phù Yên - Sơn La trong vụ Xuân và vụ Mùa năm 2014

Tên giống	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	TGST (ngày)	Khả năng chống chịu (điểm)					
				Đạo Ôn	Bạc lá	Khô vằn	Rầy nâu	Chịu rét	Chống đổ
<i>Vụ Xuân</i>									
BT7 (đ/c)	0,2	56,5-58,8	132-138	3-5	0	3	1-3	1	3
BT09	0,5	64,2-67,0	122-126	1-3	0	1	1	1	1
<i>Vụ Mùa</i>									
BT7 (Đ/C)	0,2	52,5-54,3	112-117	3-5	3-5	3	3	-	3
BT09	0,5	59,3-61,7	100-105	1	1-3	1	1	-	1

(Nguồn: Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, 2014).

3.2.3. Kết quả khảo nghiệm sản xuất giống BT09 tại tỉnh Hà Tĩnh

Kết quả theo dõi cho thấy: Tại Hà Tĩnh, tình hình sâu bệnh hại của giống BT09 trên đồng ruộng nhẹ

hơn giống lúa chất lượng đang gieo trồng trong sản xuất đại trà là BT7, đặc biệt bệnh bạc lá và rầy nâu nhẹ hơn so với giống Bắc thơm 7.

Bảng 6. Năng suất và khả năng chống chịu, tình hình sâu bệnh hại của giống BT09 trong vụ Xuân và vụ Mùa năm 2014 tại Đức Thọ - Hà Tĩnh

Tên giống	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	TGST (ngày)	Khả năng chống chịu (điểm)					
				Đạo Ôn	Bạc lá	Khô vằn	Rầy nâu	Chịu rét	Chống đổ
<i>Vụ Xuân năm 2014</i>									
BT7 (đ/c)	0,2	53,4-54,2	132-135	1-3	0	3	1-3	1	1
BT09	10	57,3-60,6	120-125	1	0	1	1	1	1
<i>Vụ Mùa năm 2014</i>									
BT7 (đ/c)	0,2	50,4-51,0	103-110	1-3	3-5	3	1-3	-	1
BT09	10	54,9-56,5	95-98	1	1-3	1	1	-	1

(Nguồn: Công ty TNHH một thành viên Mitraco-tỉnh Hà Tĩnh, 2014.)

Giống lúa BT09 có khả năng đẻ nhánh tập trung, bông to và dài hơn giống BT7; có thời gian rất ngắn (120-125 ngày trong vụ Xuân; 95-98 ngày trong vụ Hè Thu), ngắn hơn giống BT7 từ 8-12 ngày. Năng suất thực thu của giống BT09 trong vụ Xuân dao động từ 57,3-60,6 tạ/ha và cao hơn giống BT7 (đ/c) từ 3,9-6,4 tạ/ha; trong vụ Hè Thu năng suất giống BT09 dao động từ 54,9-56,5 tạ/ha, cao hơn đối chứng từ 4,5-5,5 tạ/ha.

3.3. Kết quả đánh giá một số chỉ tiêu chất lượng của giống BT09

Bảng 7. Một số chỉ tiêu chất lượng gạo của giống lúa BT09

Chỉ tiêu	Tên giống	BT09	BT7 (đ/c)
Chiều dài hạt gạo (mm)		6,47	5,59
Tỷ lệ dài/rộng (D/R)		3,05	2,83
Tỷ lệ gạo lật (%)		81,4	77,4
Tỷ lệ gạo xát (%)		73,6	69,4
Tỷ lệ gạo nguyên (%)		56,2	87,2
Tỷ lệ trắng trong (%)		77,9	56,0
Hàm lượng Amylose (%)		19,59	15,65
Hàm lượng Protein (%)		6,5	8,2
Nhiệt độ hoá hồ (mức)		TB	TB

(Nguồn: Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng và phân bón Quốc gia, 2011).

Ghi chú: Các chỉ tiêu hóa sinh được phân tích vào thời điểm 3 tháng sau thu hoạch.

Kết quả bảng 7 cho thấy: Giống lúa BT09 có dạng hạt dài, gạo trong (tỷ lệ trắng trong 77,9 %); Tỷ lệ gạo lật cao hơn BT7, tuy nhiên tỷ lệ gạo nguyên thấp hơn BT7. BT09 có hàm lượng amylose ở mức trung bình (19,59 %), nhiệt độ hóa hồ ở mức trung bình nên cơm khá ráo, mềm, ít bị dính và bị nát.

Bảng 8. Đánh giá chất lượng cơm của giống lúa BT09

Tên giống	Mùi thơm	Độ mềm	Độ dính	Độ trắng	Độ bóng	Độ ngon
BT09	2	4	3	4	3	3
BT7(đ/c)	3	4	4	5	3	3

(Nguồn: Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng và phân bón Quốc gia).

Kết quả đánh giá bằng cảm quan là cơm BT09 ngon tương đương với BT7 (điểm 3); Hạt cơm BT09 mềm, trắng ngà và bóng, cơm đậm phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng, đặc biệt là người tiêu dùng thành thị.

IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

4.1. Kết luận

Kết quả khảo nghiệm sản xuất giống lúa BT09 tại các địa phương phía Bắc cho thấy:

- Giống BT09 thuộc nhóm ngắn ngày, thời gian sinh trưởng 125-130 ngày trong vụ Xuân, 100-105 ngày trong vụ Mùa, và 95-100 ngày trong vụ Hè Thu; đẻ nhánh khá và tập trung, sinh trưởng phát triển khỏe, quần thể đồng đều, cứng cây chống đổ tốt hơn BT7.

- BT09 có bông to, tỷ lệ hạt chắc/bông cao (>80%). Năng suất trung bình đạt 55-60 tạ/ha trong vụ Mùa và 60-65 tạ/ha vụ Xuân, nếu thâm canh tốt có thể đạt 70 tạ/ha, năng suất BT09 vượt giống BT7 từ 13-14%. BT09 là giống có chất lượng gạo cao, hạt gạo dài (6,47 mm), trong, ít bạc bụng, cơm mềm, vị đậm, trắng bóng và thơm.

- Trên điều kiện đồng ruộng nhiễm nhẹ các loại sâu bệnh đạo ôn, khô vằn, rầy nâu; nhiễm nhẹ đến trung bình bệnh bạc lá, khả năng chịu rét, chống đổ khá; thích hợp trên chân đất vằn, vằn cao, vằn hơi thấp.

Qua khảo nghiệm sản xuất, nhiều địa phương muốn tiếp nhận và phát triển mở rộng giống lúa BT09 vào sản xuất trong vùng lúa hàng hóa chất lượng cao để nâng cao hiệu quả của sản xuất.

4.2. Đề nghị

Năm 2015, giống BT09 đã được Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp và PTNT cho phép sản xuất thử ở các tỉnh phía Bắc trong trà Xuân muộn, Mùa sớm và Hè Thu. Đề nghị các địa phương khảo nghiệm và mở rộng giống BT09 trong các cơ cấu luân canh 2 vụ lúa + 1-2 vụ màu /năm (vụ Đông) để phục vụ sản xuất lúa hàng hóa ở các địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2011. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm giá trị canh tác và sử dụng của giống lúa (QCVN 01 - 55: 2011/BNNPTNT).

Công ty TNHH một thành viên Mitraco, 2014. Báo cáo kết quả khảo nghiệm sản xuất giống BT09 tại tỉnh Hà Tĩnh.

Nguyễn Xuân Dũng, Lê Vinh Thảo, Nguyễn Minh Công, 2010. Kết quả nghiên cứu chọn tạo giống lúa tẻ thơm chất lượng cao cho vùng Đông bằng sông Hồng và Bắc Trung bộ giai đoạn 2006-2010. Kỷ yếu Hội nghị Khoa học công nghệ ngày 5-6/11/2010 tại Hà Nội của Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, NXB Nông nghiệp.

Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Phù Yên, 2014.
Báo cáo kết quả khảo nghiệm sản xuất giống BT09 tại
tỉnh Sơn La.

Trạm Khuyến nông huyện Thạch Thất, 2014. Báo cáo
kết quả khảo nghiệm sản xuất giống lúa BT09 tại
huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

Result of testing rice variety BT09 in Northern provinces

Nguyen Xuan Dung, Le Quoc Thanh

Abstract

The result of testing rice variety BT09 in Northern areas showed that BT09 had a short growth duration which was 120-125 days in Spring season, 100-105 days in Summer season and 95-100 days in Summer-Autumn season (with 7-10 days shorter than that of control BT7). The plant shape was compact with strong, straight and healthy stem, pale green foliage, good development capacity and purity. In field conditions, BT09 was less infected by blast and sheath blight, fairly resistant to brown plant hopper and leaf blight, and even better than BT7 in terms of anti lodging. The average yield reached 55-60 quintals/ha during in Summer season and 60-65 quintals/ha in Spring and it could reach up to 70 quintals/ ha in the case of extensive cultivation. The yield of BT09 was 13-14% higher than that of variety BT7 (control) under the same conditions. BT09 was of high-quality seeds, long grain (6.47 mm), transparent and less white belly. The grain was softer than BT7's, strong-flavor, aromatic and glazingly white. BT09 had many advantages such as high yield, quality and short growth duration, which was suitable for rice production as commodity in the Northern provinces during 2 seasons of cultivation lands (late Spring and early Summer season), Winter season in Red River Delta, Winter-Spring and Summer-Autumn season in Northern Central provinces.

Key words: BT09, short duration, high quality, commodity production

Ngày nhận bài: 21/4/2016

Ngày phản biện: 23/4/2016

Người phản biện: PGS. TS. Nguyễn Văn Việt

Ngày duyệt đăng: 26/4/2016

NGHIÊN CỨU ĐÁNH GIÁ TÍNH ỔN ĐỊNH VỀ NĂNG SUẤT LÁ CỦA GIỐNG DÂU LAI VH17 Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

Nguyễn Thị Len¹, Hà Văn Phúc¹

TÓM TẮT

Giống dâu lai VH17 được lai tạo và chọn lọc bằng phương pháp lai hữu tính từ tổ hợp lai K9 x ĐB86. Để đánh giá tính ổn định về năng suất của giống dâu mới này ngoài sản xuất vùng Đồng bằng sông Hồng (ĐBSH), nghiên cứu tại ba tỉnh Thái Bình, Nam Định và Hà Nam từ năm 2014-2015 đã được tiến hành. Kết quả đã xác định được giống dâu lai VH17 đạt năng suất lá cao và ổn định thích hợp phát triển sản xuất ở vùng đồng bằng sông Hồng với các đặc điểm chính sau: Giống VH17 có thời gian nảy mầm vụ Xuân sớm hơn giống VH13 từ 6-8 ngày và giống Hà Bắc từ 11-13 ngày. Tỷ lệ số mầm nảy hữu hiệu ở vụ Xuân cao, so với giống VH13 cao hơn 17,1%, so với giống Hà Bắc cao hơn 34,0%. Lá to, kích thước lá (dài x rộng) 19,10 x 15,78 cm, so với giống VH13, chiều dài lá lớn hơn 10,3%, chiều rộng lớn hơn 5,2%. Năng suất lá cả năm đạt 34,77 tấn/ha, cao hơn giống VH13 là 11,2%, cao hơn giống Hà Bắc 40,1%, cho nhiều lá ở vụ Xuân. Mức độ nhiễm một số sâu, bệnh hại chính thấp hơn so với giống Hà Bắc, tương đương với giống VH13.

Từ khóa: Bệnh do nấm, dâu lai, mật độ sâu hại, năng suất, Đồng bằng sông Hồng

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vùng ĐBSH có nhiều lợi thế để phát triển nghề dâu tằm do có những ưu thế về điều kiện khí hậu, đất đai, lao động... Đây là vùng có khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều thuận lợi cho sự sinh trưởng và phát triển của cây dâu, nhưng cũng là điều kiện thuận lợi để sâu, bệnh hại phát triển. Điều kiện khí hậu chia làm ba mùa rõ rệt. Ở mùa hè nhiệt độ và ẩm độ cao

nuôi tằm rất khó khăn thường bị tổn thất 20-30% do bị bệnh hại, trong khi đó năng suất lá dâu ở vụ hè đạt 50-60% tổng sản lượng lá dâu của cả năm. Còn ở mùa xuân và mùa thu thời tiết thích hợp cho nuôi tằm nhưng sản lượng lá dâu lại ít. Kết quả điều tra thực trạng sản xuất dâu tằm vùng ĐBSH cho thấy cơ cấu giống dâu chủ yếu là giống dâu cũ (giống Hà Bắc) chiếm tới 60-65%, các giống dâu mới như VH9,

¹ Trung tâm Nghiên cứu Dâu tằm tơ Trung ương